

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức.

Ôn tập kiến thức đã được học ở bài 6, 7, SGK *Ngữ văn 11*, tập hai – Kết nối tri thức với cuộc sống.

1.2. Kỹ năng:

- Đọc hiểu văn bản
- Viết bài thuyết minh một tác phẩm văn học, một sự vật, hiện tượng trong đời sống
- Viết bài nghị luận xã hội

2. NỘI DUNG

2.1. Phạm vi kiến thức, kỹ năng

Đọc:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm (cốt truyện, nhân vật người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả, ngôn ngữ), các đặc điểm nội dung và nghệ thuật thơ chữ Hán, thơ chữ Nôm của Nguyễn Du, sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn, giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề (cảm hứng chủ đạo), tư tưởng, thông điệp của văn bản
- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối trong văn bản văn học; Hiểu được hiện tượng phá vỡ qui tắc thông thường, vận dụng vào việc tìm hiểu ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật.

Viết:

- Viết bài văn thuyết minh về tác phẩm văn học có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận
- Viết bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (con người với cuộc sống xung quanh, hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).

2.2. Ma trận

TT	Kỹ năng	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Số câu	Tỉ lệ	Tổng điểm
			Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ			
1	Đọc hiểu	Thơ Nguyễn Du / tùy bút/ truyện kí	02	15%	02	20%	02	15%	6	50%	5,0
2	Làm văn	Tạo lập văn bản nghị luận xã hội	1*	10%	1*	15%	1*	25%	1	50%	5,0
			3	25	3	35	3	40	7	100	10

2.3. Câu hỏi / yêu cầu và đề minh họa.

a/Câu hỏi phân đọc hiểu (với ngữ liệu là một văn bản/ đoạn trích cho trước)

*/ Với mức độ nhận biết

- Xác định phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt, thể loại ... của văn bản/đoạn trích

- Chỉ ra những hình ảnh, chi tiết cùng thể hiện một nội dung hoặc có chung một đặc điểm nào đó trong văn bản /đoạn trích

- Xác định lời nhân vật, lời người kể chuyện trong truyện thơ Nôm

***/ Với mức độ thông hiểu:**

- Nêu tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc hoặc phép đối được sử dụng trong câu/ đoạn
- Nêu ý nghĩa nhan đề, ý nghĩa của một chi tiết nghệ thuật, một câu thơ, ...
- Tại sao tác giả lại nói ...?
- Phân tích biện pháp lập cấu trúc, phép đối
- Phân tích biện pháp tu từ trong văn bản, đoạn trích

...

***/ Với mức độ vận dụng:**

- Thông điệp nào có ý nghĩa nhất với anh/chị sau khi đọc văn bản /đoạn trích trên.
- Bài học anh/ chị rút ra được từ văn bản/đoạn trích là gì?
- Nhận xét về nhân vật trong đoạn trích/văn bản
- Anh/chị có đồng ý với quan điểm ...hay không? Vì sao?
- Viết đoạn văn về vẻ đẹp ngôn từ của đoạn trích/ văn bản

b/Câu hỏi tạo lập văn bản:

(Câu hỏi thể hiện cả 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao)

- Viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học mà em yêu thích (có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận)

- Vấn đề xã hội nào hiện nay đang khiến bạn quan tâm nhiều nhất? Hãy viết một văn bản thuyết minh về vấn đề đó.

- Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến “ Trên bước đường thành công, không có dấu chân của kẻ lười biếng(Lỗ Tấn)

- Cuộc sống thường có những khó khăn, thử thách: đối mặt hay bỏ cuộc là lựa chọn của mỗi người.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600) chữ bày tỏ ý kiến của anh/ chị về những khó khăn thử thách đối với tuổi trẻ.

2.4. Đề minh họa

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

Môn: Ngữ văn - Lớp 11

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

I.ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Lỗi Dương Đỗ Thiệu Lãng mộ kỳ 2

Phiên âm: *Mỗi độc nho quan đa ngộ thân,(1)*

Thiên niên nhất khóc Đỗ Lãng nhân.

Văn chương quang diễm thành hà dụng,

Nam nữ thân ngâm bất khả văn.

Cộng tiến thi danh sự bách thế,

Độc bi dị vực ký cô phần.

Biên chu giang thượng đa thu tứ,

Trương vọng Lỗi Dương nhật mộ vân.

Dịch nghĩa: **Mộ Đỗ Thiệu Lãng ở Lỗi Dương Kỳ 2**

Mỗi lần đọc câu thơ “Mũ áo nhà nho thường làm lụy thân mình”

Lại khóc Đỗ Thiệu Lãng, người nghìn năm trước.

Văn chương ngời sáng đem dùng ở đâu?

Mà để bày con rên rỉ không thể nghe được.

*Ai cũng hâm mộ thơ của thầy là muôn thuở,
Riêng ta buồn cho phần mộ đìu hiu cô quạnh.
Thuyền mỏng trên sông thu nhiều nỗi nhớ,
Buồn ngắm mây chiều vùng Lỗi Dương.*

*Dịch thơ: Mỗi lần đọc "Mũ nho thân lụy",
Lại khóc thương người cũ Đỗ Lăng.
Ích gì ngời sáng thơ văn,
Bầy con kêu đòi sao đành lòng đây?
Ai cũng khen thơ thầy muôn thuở,
Riêng ta thương phần mộ đìu hiu.
Thuyền sông thu nhớ thêm nhiều,
Buồn trông theo đám mây chiều Lỗi Dương.*

(Bản dịch của Đặng Thế Kiệt - Nguồn: <https://www.thivien.net>)

Chú thích (1): Câu thơ trong bài “Phụng tặng Vi Tả thừa trượng thập nhị vận” của Đỗ Phủ

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của bản phiên âm và bản dịch thơ.

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 3. Cảm hứng nào khiến cho Nguyễn Du khóc thương cho Đỗ Thiều Lăng ?

Câu 4. Phân tích tác dụng của phép đối trong cặp câu:

*“Văn chương quang diệm thành hà dụng,
Nam nữ thân ngâm bất khả văn”.
(Văn chương ngời sáng đem dùng ở đâu?
Mà để bầy con rên rỉ không thể nghe được).*

Câu 5. Sự khác biệt giữa tâm tư Nguyễn Du và người đời trong cặp câu sau là gì?

*“Cộng tiến thi danh sự bách thế,
Độc bi dị vực ký cô phần”.
(Ai cũng hâm mộ thơ của thầy là muôn thuở,
Riêng ta buồn cho phần mộ đìu hiu cô quạnh).*

Câu 6. Anh/chị suy nghĩ như thế nào về mối quan hệ giữa văn chương và cuộc đời được đề cập đến trong bài thơ?

II. VIẾT (5 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến dưới đây:
Cuộc sống không có giới hạn, chỉ trừ những giới hạn do chính bạn tạo ra. (Les Brown)

.....HẾT.....

Họ tên thí sinh:.....; Lớp :.....

Hoàng Mai, ngày 15 tháng 2 năm 2025
TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Thủy